

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2021 – 2025) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về Công bố thông tin của doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 87/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 143/STC-DN ngày 19/01/2021 (kèm theo Công văn số 60/SNN&PTNT ngày 07/01/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm (2021 – 2025) của Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam, với các nội dung chính như sau:

I. Chiến lược phát triển Công ty

1. Quan điểm

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng địa bàn cấp huyện, cấp xã và của tỉnh Quảng Nam nói chung. Cung cấp đủ nguồn nước ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân trong vùng có nước tưới.

- Khai thác sử dụng nước hợp lý, phục vụ đa mục tiêu; Khai thác sử dụng đi đôi với bảo vệ, phòng chống suy thoái, cạn kiệt nguồn nước; chú ý đến bảo vệ môi trường nước trong việc cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, phục vụ dân sinh và các hoạt động sản xuất khác.

- Bảo vệ an toàn các hệ thống công trình thủy lợi, nhất là các hồ chứa, đập dâng, đảm bảo an toàn phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu, mặn xâm nhập; Nghiên cứu, ứng dụng các giải pháp, công nghệ tiên tiến về cấp nước, tiêu thoát nước, quy trình quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi nhằm hạn chế tác động bất lợi do biến đổi khí hậu, nước biển dâng gây ra.

2. Định hướng phát triển

- Tập trung nâng cấp, hiện đại hoá các hệ thống thủy lợi hiện có để phát huy và khai thác tối đa năng lực thiết kế.

- Tiếp tục đầu tư xây dựng thêm công trình mới.

- Các công trình thủy lợi tổng hợp quy mô vừa và lớn ở các lưu vực sông, cấp nước tưới cho nông nghiệp, thủy sản, góp phần hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Nâng cao năng lực cấp nước của các hệ thống thủy lợi, tạo thêm nguồn nước bằng nhiều hồ chứa lớn trên dòng chính và các công trình nhỏ trên dòng nhánh.

- Ứng dụng công nghệ tưới, tiêu khoa học để tiết kiệm nước.

- Tăng cường đầu tư cho quản lý vận hành các hệ thống thủy lợi để nâng cao hiệu quả và tiết kiệm nước.

3. Mục tiêu

- Tiếp cận, quản lý, khai thác các công trình để phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp.
- Cung cấp nước tưới phục vụ sinh hoạt, công nghiệp, thủy điện, chăn nuôi...

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Đối với hoạt động công ích

- Đảm bảo nguồn nước cung cấp nước để tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp hằng năm trên địa bàn của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.
- Quản lý, khai thác và bảo vệ các hệ thống công trình thủy lợi: Hồ, đập, kênh mương, công trình trên kênh thuộc địa bàn tỉnh Quảng Nam do Công ty quản lý. Đặc biệt chú trọng các công tác này trong mùa mưa bão, thường xuyên công tác kiểm tra, kiểm định an toàn các hồ chứa nước; công tác kiểm tra, kiểm định an toàn đập...
- Chủ động phòng, chống và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, ứng phó với các trường hợp bất lợi nhất, nâng cao mức bảo đảm tiêu thoát nước, phòng chống lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo vệ môi trường.
- Tổ chức thực hiện đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi trong hệ thống đáp ứng khả năng tải nước, cung cấp nước phục vụ sản xuất.

1.2. Đối với hoạt động thủy lợi khác

- Đảm bảo cấp nước cho sinh hoạt đồng thời bên cạnh đó cung cấp nước phục vụ cho sản xuất công nghiệp, chăn nuôi, kết hợp phát điện, tiêu nước mặt và nước thải qua xử lý đạt tiêu chuẩn cho các khu công nghiệp...
- Bảo vệ, kiểm soát và ngăn chặn ô nhiễm nước trong hệ thống công trình thủy lợi đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi đạt tiêu chuẩn cấp cho các hoạt động sử dụng nước.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Về sản lượng

Sản lượng hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm đạt được bao gồm cả diện tích tưới tiêu (ha), cấp nước cho sinh hoạt (m^3), công nghiệp (m^3), chăn nuôi (m^3), thủy điện (sản lượng điện thương phẩm-Kwh), trong đó sản lượng về diện tích tưới tiêu mang tính ổn định, lâu dài. Cụ thể như sau:

- Sản lượng hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi bình quân 50.174,43 ha đất sản xuất nông nghiệp/năm.
- Cấp nước thô cho sản xuất nước sinh hoạt, công nghiệp và chăn nuôi trên địa bàn khoảng 18 triệu m^3 /năm.

- Cấp nước cho nhà máy thủy điện để sản xuất ra điện năng đạt khoảng 3,5 triệu Kw/năm.

- Thoát nước, xả nước thải đã qua xử lý đạt tiêu chuẩn (được cấp phép) vào công trình thủy lợi khoảng 0,096 triệu m³/năm.

- Cho thuê mặt nước các hồ chứa để nuôi trồng thủy sản đạt khoảng hơn 220 ha/năm.

- Thu lệ phí thông thuyền qua công trình thủy lợi 1.200 tấn.

2.2. Về doanh thu giai đoạn 2021-2025

Doanh thu sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giai đoạn 2021-2025 giai đoạn 2021-2025 được tạm xác định theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam bình quân hằng năm đạt khoảng 63 tỷ đồng, bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi bình quân khoảng 48 tỷ đồng/năm.

- Hoạt động dịch vụ thủy lợi khác bình quân khoảng 15 tỷ đồng/năm.

2.3 Về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình.

Hiện nay, Công ty đang quản lý 17 hồ chứa, 28 trạm bơm điện (trong đó có trạm bơm điện Quế Phú và An Lạc 2 là trạm bơm chống hạn), 30 đập dâng (03 đập dâng kiên cố, 27 đập dâng bán kiên cố và thời vụ), hơn 821km kênh mương và trên ngàn công trình trên kênh.

Tổ chức quản lý, duy tu bảo dưỡng thường xuyên, định kỳ và bảo vệ hệ thống các công trình thủy lợi đảm bảo an toàn tuyệt đối trong quá trình vận hành phục vụ sản xuất, kinh doanh cũng như đảm bảo an toàn tuyệt đối trong mùa mưa bão nhất là các hồ chứa nước, các đập dâng kiên cố.

2.4 Về lao động, tiền lương

a) Lao động.

- Duy trì lực lượng lao động đảm bảo quy định về năng lực, quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo định mức; trong 05 năm từ 2021-2025, giữ ổn định số lao động định mức, trường hợp bổ sung không vượt quá số lao động nghỉ hưu hoặc xin nghỉ việc.

- Hằng năm triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động cũng như viên chức quản lý; đồng thời rà soát, bố trí lao động hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả làm việc, tăng năng suất lao động.

b) Tiền lương.

Hằng năm, trên cơ sở các quy định của pháp luật, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan xem xét, phê duyệt mức tiền lương CBCNV của Công ty.

2.5. Mục tiêu về thị trường.

a) Đối với hoạt động dịch vụ công ích thủy lợi.

Do diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có hạn, việc khai thác thêm diện tích tưới hằng năm không lớn, chủ yếu do Nhà nước đầu tư nâng cấp hoặc đầu tư thêm các công trình thủy lợi. Thị trường đối với hoạt động công ích gần như không có biến động.

b) Đối với hoạt động dịch vụ thủy lợi khác.

Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty chủ trọng vào lĩnh vực này trong thời gian đến, nguồn thu của hoạt động này một mặt bù đắp cho hoạt động công ích (giảm thiểu tiền trợ giá, trợ cấp từ ngân sách hằng năm) đồng thời bên cạnh đó nâng cao được đời sống của người lao động trong Công ty.

3. Kế hoạch triển khai:

Nội dung	Kế hoạch từng năm				
	2021	2022	2023	2024	2025
1. Diện tích (ha)	50.174,43	50.108,43	50.174,43	50.174,43	50.174,43
2. Doanh thu (triệu đồng)	62.617	63.128	63.755	64.408	65.087

Ghi chú: Doanh thu tạm tính theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2019 – 2020.

- Hằng năm, rà soát lại chi phí, cắt giảm những khoản chi không cần thiết, đầu tư phát triển theo hướng tiết kiệm, đảm bảo cho các công trình hoạt động bình thường, nâng cao đời sống của người lao động.

- Trên cơ sở quy định của pháp luật, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình thực tế của Công ty hằng năm, UBND tỉnh và các cơ quan liên quan sẽ xem xét trợ giá và trợ cấp Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi cho Công ty.

- Thực hiện theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh được UBND tỉnh phê duyệt hằng năm.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về tài chính

- Nâng cao năng lực quản lý tài chính, kiểm soát chặt chẽ các nguồn vốn tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh; các khoản công nợ phải thu, phải trả, không để phát sinh nợ xấu.

- Tổ chức hạch toán kế toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, rõ ràng, minh bạch, hóa đơn chứng từ đảm bảo quy định, hợp lý hợp lệ.

- Lập kế hoạch doanh thu, chi phí hằng năm, phục vụ quản lý hệ thống, theo quy định.

- Ký kết hợp đồng tưới, tiêu nước, hợp đồng cung cấp nước và các dịch vụ khai thác tổng hợp công trình thủy lợi.

- Ký hợp đồng thực hiện việc bảo trì, bảo vệ công trình và các hợp đồng dịch vụ khác có liên quan.

- Nghiệm thu, thanh lý các hợp đồng nêu trên.

- Quản lý các khoản thu, các khoản chi theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ việc quản lý, vận hành công trình, gồm: định mức sử dụng nước; định mức sử dụng điện hoặc nhiên liệu; định mức lao động; định mức sửa chữa thường xuyên và các định mức cần thiết khác cho phù hợp với từng thời kỳ, thời điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện việc theo dõi có hệ thống, điều chỉnh hoặc đề nghị điều chỉnh cho phù hợp các chỉ tiêu kinh tế, các định mức kinh tế - kỹ thuật; định kỳ đánh giá hiệu quả dịch vụ tưới tiêu nước và hiệu quả đầu tư, khai thác công trình thủy lợi.

- Cải tiến tổ chức, áp dụng cơ chế quản lý năng động, tạo động lực thúc đẩy, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình thủy lợi.

4.2. Giải pháp về sản xuất

a) Quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

- Đảm bảo duy trì nhiệm vụ theo thiết kế; bảo trì, bảo dưỡng để nâng cao tuổi thọ công trình thủy lợi.

- Thực hiện việc vận hành công trình theo quy trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Thực hiện việc kiểm tra công trình, quan trắc công trình theo quy định.

- Bảo vệ công trình, ngăn chặn, phòng, chống các hành vi xâm hại hoặc phá hoại công trình.

- Thực hiện công tác phòng chống lụt, bão, bảo đảm an toàn công trình; chú trọng công tác an toàn các hồ chứa nước, an toàn đập trong mùa mưa bão.

- Thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư, tổ chức triển khai, giám sát việc khôi phục, đại tu, nâng cấp công trình.

- Lập, lưu trữ hồ sơ kỹ thuật và các hồ sơ tài liệu khác có liên quan.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, áp dụng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để kéo dài tuổi thọ và nâng cao hiệu quả khai thác công trình.

b) Quản lý nguồn nước, phân phối nguồn nước và bảo vệ nguồn nước.

- Đánh giá, dự báo nguồn nước; tổng hợp yêu cầu sử dụng nước; lập kế hoạch, phương án cung cấp nước cho các hộ dùng nước, phương án tiêu thoát nước và kế hoạch, phương án ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Điều hành việc phân phối nước, cấp nước, tiêu nước, ngăn mặn hoặc hạn chế xâm nhập mặn.

- Quản lý, kiểm soát việc thải nước vào nguồn nước; bảo vệ, chống ô nhiễm nguồn nước.

- Quan trắc, đo đạc lượng mưa, mực nước, lưu lượng nước, chất lượng nước theo quy định.

- Phổ biến, ứng dụng các công nghệ tưới tiết kiệm nước, cải thiện chất lượng nước, nâng cao hiệu quả sử dụng tổng hợp nguồn nước; các quy trình, kỹ thuật tưới tiêu nước tiên tiến để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, thủy sản.

- Thực hiện các giải pháp phòng, chống hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra.

- Đánh giá kết quả tưới, tiêu nước, cung cấp nước; lập bản đồ kết quả tưới tiêu nước hàng vụ và báo cáo kết quả cung cấp nước cho các hộ dùng nước phi nông nghiệp.

- Điều chỉnh chức năng một số hồ thủy lợi sang phục vụ cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kinh tế, xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

- Rà soát, đẩy mạnh chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng cạn, cây công nghiệp và chăn nuôi có giá trị kinh tế cao, nhất là tại các khu vực thường xuyên bị khô hạn.

- Điều chỉnh chức năng một số hồ thủy lợi sang phục vụ cho sản xuất công nghiệp và dịch vụ phù hợp với quy hoạch thủy lợi và quy hoạch kinh tế, xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ.

- Ưu tiên cấp nước sinh hoạt và nhu cầu thiết yếu của sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước.

4.3. Giải pháp về marketing

- Điều tra, rà soát diện tích tưới tiêu hằng năm đã thực hiện trên cơ sở các hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý cung cấp nước đã ký kết, đảm bảo tính đúng, tính đủ, đúng đối tượng để xác định doanh thu hằng năm.

- Tổ chức quản lý chặt chẽ hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý cung cấp nước cho hoạt động sản xuất công nghiệp, chăn nuôi... bằng hình thức lắp đặt đồng hồ đo đếm khối lượng nước cung cấp, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên đối tác thực hiện hợp đồng cấp nước.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng và củng cố và phát triển các tổ chức “Thủy nông cơ sở” để quản lý tốt hệ thống kênh mương nội đồng, đảm bảo nước đến chân ruộng, tiết kiệm, hiệu quả.

- Tuyên truyền vận động người dân tham gia bảo vệ công trình thủy lợi; không lấn chiếm và xâm hại công trình thủy lợi dưới mọi hình thức; không đổ rác thải, nước thải, xác súc vật xuống lòng kênh gây cản trở dòng nước, gây tác hại môi trường và ô nhiễm nguồn nước tưới.

4.4 Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tổ chức, sắp xếp lại bộ máy quản lý, bộ máy trực tiếp sản xuất theo hướng tinh gọn, hợp lý, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hiệu quả trong việc sử dụng nguồn nhân lực.

- Thường xuyên tổ chức rà soát lại lao động, định mức lao động, xác định các vị trí, chức danh công việc trong từng cụm trạm, từng Chi nhánh, từng phòng ban tại Công ty làm cơ sở xây dựng kế hoạch sử dụng lao động, kế hoạch tuyển dụng lao động, ký kết hợp đồng lao động.

- Tổ chức đánh giá tình hình sử dụng lao động theo kế hoạch đã được phê duyệt. Phân tích rõ những ưu điểm, tồn tại, hạn chế trong việc tuyển dụng, sử dụng lao động, nguyên nhân chủ quan, khách quan để đề ra những biện pháp khắc phục kịp thời.

- Thường xuyên hoặc định kỳ tổ chức bồi dưỡng, đào tạo lại, đào tạo thêm tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động để đảm bảo người lao động được tiếp cận các tiến bộ về khoa học công nghệ trong ngành thủy lợi cũng như các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước để thực thi công việc.

- Xây dựng thang bảng lương; xây dựng quy chế khen thưởng, phúc lợi; đề bạt bổ nhiệm, nâng bậc lương hợp lý mang tính tiên tiến, ổn định, lâu dài, kích thích sản xuất đối với từng đối tượng người lao động trong Công ty.

4.5 Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật

- Kiểm tra, soát xét, xây dựng các định mức kỹ thuật, các tiêu chuẩn ngành, các quy trình quy phạm liên quan đến từng công trình, hạng mục công trình thủy lợi và chuyển tải đến từng đối tượng lao động đang đảm nhận công việc để nắm bắt và thực hiện tốt công việc.

- Từng bước hiện đại hóa, công nghiệp hóa ngành thủy lợi, đưa công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa vào quản lý, khai thác công trình thủy lợi để chủ động trong công tác quản lý, kéo dài tuổi thọ công trình và nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành công trình phục vụ sản xuất.

- Đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi để công trình đảm bảo độ ổn định, tải nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4.6. Giải pháp về quản lý và điều hành và phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch

- Nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành quản lý của từng thành viên trong Hội đồng thành viên, từng viên chức quản lý, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty, lợi ích của Nhà nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tuân thủ tuyệt đối Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước.

- Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty để quản lý, rõ ràng, minh bạch, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh định kỳ (hàng quý, hàng năm) tại doanh nghiệp, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu, những mặt còn hạn chế và tồn tại để khắc phục; kịp thời chỉ đạo, điều hành sản xuất, kinh doanh tốt hơn.

4.7. Giải pháp khác

- Tổ chức thực hiện công tác báo cáo, công tác thống kê, công tác giám sát và các báo cáo khác tại doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, đây là tài sản vô hình có giá trị rất lớn trong việc cung cấp thông tin để quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Xây dựng đầy đủ các quy chế nội bộ trên các lĩnh vực tài chính thống kê, quản lý bảo vệ công trình, lao động tiền lương, thi đua khen thưởng, đề bạt bổ nhiệm, nâng bậc lương... và các lĩnh vực khác phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh một cách khoa học, rõ ràng, minh bạch và hiệu quả.

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong Công ty, thường xuyên quan tâm và chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Tổ chức xây dựng nơi làm việc và môi trường làm việc mang tính văn minh, hiện đại, khoa học, khơi dậy lòng yêu nghề, yêu công việc của từng đối tượng lao động để người lao động yên tâm làm việc và được cống hiến lâu dài cho Công ty.

- Tuyên truyền, tập huấn và giáo dục viên chức quản lý và người lao động trong Công ty nắm vững những chủ trương, đường lối, chính sách và Nghị quyết của Đảng và Nhà nước; nắm vững các quy định của Nhà nước về lĩnh vực chuyên môn của từng đối tượng người lao động để chấp hành, thực thi pháp luật.

- Tổ chức thực hiện tốt và tranh thủ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh Quảng Nam, hướng dẫn của các Sở, Ban ngành liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên, cán bộ Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, điều hành hoạt động, thực hiện tốt các giải pháp để hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của Chiến lược phát triển; Kế hoạch phát triển kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2021 – 2025) của Công ty.

2. Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển; Kế hoạch phát triển kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2021 – 2025) của Công ty.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kiểm soát viên Công ty TNHH Một thành viên Khai thác thủy lợi Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: NN&PTNT, TC;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành ủy Tam Kỳ;
- Các PVP và các phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, NC, TH, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Quang